Họ tên_____ 20.1.1

Lớp_____

LUYỆN TẬP

Bài 1. Cho hai băng giấy giống nhau. Băng giấy thứ nhất được chia thành 6 phần bằng nhau, Ben đã tô màu 4 phần của băng giấy đó. Băng giấy thứ hai được chia thành 12 phần bằng nhau. Hỏi Ben cần tô màu mấy phần của băng giấy đó để phân số biểu thị phần được tô màu của hai băng giấy là bằng nhau?

Băng giấy thứ nhất:

Băng giấy thứ hai:

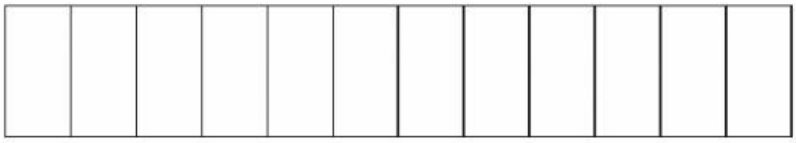

Ta có: Phân số biểu thị phần được tô màu của băng giấy thứ nhất là .....

Phân số biểu thị phần được tô màu của băng giấy thứ hai là .....

Như vậy: ..... = ...

Bài 2. Viết số thích hợp vào ô trống.

a. $\frac{5}{6} = \frac{5 \times 5}{6 \times 5} = \frac{\square}{\square}$; $\frac{\square}{\square} = \frac{\square \times 4}{\square \times 4} = \frac{32}{12}$; $\frac{7}{4} = \frac{7 \times \square}{4 \times 3} = \frac{\square}{\square}$.

$\frac{35}{40} = \frac{35 : 5}{40 : 5} = \frac{\square}{\square}$; $\frac{42}{24} = \frac{42 : \square}{24 : \square} = \frac{7}{4}$; $\frac{60}{48} = \frac{60 : 12}{48 : \square} = \frac{\square}{\square}$.

b. $\frac{6}{5} = \frac{18}{\square}$; $\frac{28}{49} = \frac{\square}{7}$; $\frac{64}{48} = \frac{8}{\square}$; $\frac{4}{3} = \frac{\square}{27}$.

LIVEWORKSHEETS

Bài 3. Tính rồi so sánh kết quả của:

a. 6 : 2 và (6 x 3) : (2 x 3)

.....

.....

.....

So sánh: 6 : 2 ..... (6 x 3) : (2 x 3).

b. 64 : 8 và (64 : 4) : (8 : 4)

.....

.....

.....

So sánh: 64 : 8 ..... (64 : 4) : (8 : 4).

Nhận xét: Nếu nhân (hoặc chia) số bị chia và số chia với (cho) cùng một số tự nhiên khác 0 thì .....

Bài 4. Viết số thích hợp vào ô trống.

a. $\frac{5}{7} = \frac{10}{\square} = \frac{\square}{21} = \frac{20}{\square}$;

b. $\frac{4}{6} = \frac{6}{\square} = \frac{\square}{18} = \frac{16}{\square}$;

c. $\frac{60}{40} = \frac{30}{\square} = \frac{\square}{10} = \frac{12}{\square} = \frac{\square}{4}$;

d. $\frac{8}{12} = \frac{6}{\square} = \frac{\square}{6} = \frac{2}{\square}$.

Bài 5 (Thử thách phụ). Hãy viết 5 phân số:

a. Lớn hơn 1: .....

b. Bằng 1: .....

c. Nhỏ hơn 1: .....

LIVEWORKSHEETS